TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/01/2026
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Sơn - Ông Trần Đình Hải

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Ngọc –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Lan Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 337/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số95/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025,Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Ông Nguyễn Quốc H, sinh ngày 15/6/1968, Số CCCD: cấp ngày 18/8/2022.

Cư trú tại: P F Chung cư Đ, tổ A, khu phố V, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh ngày 15/12/1980, Số CCCD: cấp ngày 19/8/2022.

Cư trú tại: P F Chung cư Đ, tổ A, khu phố V, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H1 bày:

Ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống vàđăng ký kết hôn tại UBND phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 01

ngày 18/12/2004. Mâu thuẫn đã phát sinh một thời gian dài nhưng do con còn nhỏ nên ông H vẫn cố gắng duy trì cuộc hôn nhân. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống, việc nuôi dạy con cái, thường xuyên cãi vã. Ông bà đã tìm mọi cách để hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Ngoài ra, ông cho rằng bà L có một số mối quan hệ bên ngoài, vợ chồng sống chung không còn hạnh phúcnên không đồng ý hòa giải đoàn tụ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc H yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

+ Về con chung: Ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị L có 02 con chung tên Nguyễn Thủy L1, sinh ngày 20/3/2005 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 17/11/2008. Sau ly hôn, đề nghị Tòa án giao cháu Phương A cho ông H4 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu L1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

- *Theo bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị L2 bày:*

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Quốc H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 01 ngày 18/12/2004.

Về mâu thuẫn gia đình: Vợ chồng có một số mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình nhưng chỉ trong vài tháng gần đây. Đồng thời bà cho rằng một phần lỗi là do ông H chưa thực hiện tốt nghĩa vụ của người làm chồng,làm cha dẫn đến việc vợ chồng có xích mích với nhau.

Tại buổi hòa giải, đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông H, bà L3 đồng ý do bà vẫn mong muốn gia đình đoàn tụ, vợ chồng cùng chăm sóc con cái. Tuy nhiên ngày 05/01/2025, bà L có đơn xin vắng mặt, đồng thời bà trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là 02 con chung tên Nguyễn Thủy L1, sinh ngày 20/3/2005 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 17/11/2008. Sau ly hôn, bà L đồng ý giao cháu Phương A cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bàkhông cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu L1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn giải quyết vụ án đã đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã chấp hành chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí:Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

*[2.1] Về quan hệ hôn nhân:*Ông Nguyễn Quốc H2 bà Nguyễn Thị L đã tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 01 ngày 18/12/2004, nên quan hệ hôn nhân của ông bà được xác định là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng ông H khẳng địnhvợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải. Bà L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức như ông H trình bày mà cho rằng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình. Tại phiên tòa, ông H và bà L đều có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà L đồng ý ly hôn. Từ đó Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L, ông H3 có thật và bắt nguồn từ việc cả hai vợ chồng thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong cách sống, không chia sẻ với nhau.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông H, bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông H.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Xét thấy ông H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; cháu Phương A có nguyện vọng được sống chung với ba. Mặt khác, bà L đồng ý giao con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 17/11/2008cho ông Nguyễn Quốc H4 tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông H không yêu cầu bà Lànhcấp D nuôi con nên ghi nhận.

Đối với cháu L1 đã trưởng thành, không có yêu cầu nên không xem xét,giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Quốc H vàbà Nguyễn Thị L3 yêu cầu nên Toà án không xem xét,giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc H phải nộp án phí hôn nhân gia đình số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H đối với bà Nguyễn Thị L4 việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc H được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị L5 02 con chung tên Nguyễn Thủy L1, sinh ngày 20/3/2005 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 17/11/2008.

Sau ly hôn, buộc bà Nguyễn Thị L giao cháu Phương A cho ôngNguyễn Quốc Hoan trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà L không phảicấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu L1 đã trưởng thành, không có yêu cầu nên không xem xét,giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị L3 yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình: Ông Nguyễn Quốc H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 37565 ngày 12/11/2025của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H5 nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minhxét xử phúc

thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai)./.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 12 – TP. HCM;
- Phòng THADS Khu vực 12 – TP. HCM;
- UBND phường Phú Mỹ, TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Bảo Ngọc